

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 06-3-2025.

“V/v Ly hôn; Tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị
Hong N và anh Hồ Ngọc T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phụng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp* tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2024, về “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số C, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hồ Ngọc T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số F, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Chị N và anh Hồ Ngọc T cưới nhau năm 2014, đến ngày 03/12/2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Chị N và anh T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Chị N nghi ngờ anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Quá trình sống chung vợ chồng có 01 (một) con chung tên Hồ Nguyễn Kim B, sinh ngày 20/4/2015, hiện cháu B có sức khỏe thể chất và tinh thần bình thường, đang sống cùng và do chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hồng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị N cho rằng chị N không còn tình cảm với anh Hồ Ngọc T, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T; Về con chung, chị N khẳng định Bấy từ khi sinh ra cho đến nay có sức khỏe thể chất, tinh thần phát triển bình thường. Nay chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Nguyễn Kim B, sinh ngày 20/4/2015, chị N không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi con chung tên B cùng chị N; Về tài sản chung, nợ chung, chị N không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tình bày ý kiến đề ngày 27/02/2024 bị đơn Hồ Ngọc T trình bày:

Bị đơn là anh Hồ Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và các văn bản tố tụng khác. Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, thống nhất vợ chồng có 01 (một) con chung tên Hồ Nguyễn Kim B, sinh ngày 20/4/2015, hiện do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung là cháu B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị N. Về tài sản chung, nợ chung, chị N không yêu cầu giải quyết. Bị đơn Hồ Ngọc T xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về thụ lý, giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định về xét xử sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Hồ Ngọc T trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở. Vợ chồng chị N, anh T có 01 (một) con

chung tên Hồ Nguyễn Kim B, sinh ngày 20/4/2015. Xét thấy cháu B đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, nên việc giao con chung là Hồ Nguyễn Kim B cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Hồ Ngọc T; Về con chung: Giao con chung tên Hồ Nguyễn Kim B, sinh ngày 20/4/2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, do chị N không có yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị Hồng N xin ly hôn anh Hồ Ngọc T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị N và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh T có địa chỉ thường trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị N là nguyên đơn, anh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị N và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh T theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Hồ Ngọc T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có Giấy chứng nhận kết hôn số 141, ngày 03/12/2014 là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của chị N và anh T đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Tuy nhiên, sau khi cưới chị N và anh T sống chung được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đến khoảng năm 2018 vợ chồng không còn sống chung và quan tâm nhau, cho đến nay vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tranh cãi. Do không còn tình cảm với anh T nên chị N đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình. Anh T vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến với nội dung đồng ý yêu cầu ly hôn của chị N.

Từ đó, chị N và anh T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N để cho vợ chồng chị N và anh T ly hôn là phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh T thống nhất có 01 (một) con chung tên Hồ Nguyễn Kim B, sinh ngày 20/4/2015 hiện con đang sống cùng với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu B, anh T có văn bản đồng ý với yêu cầu của chị N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về nuôi con chung, giao con chung là cháu B cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của hai cháu.

Do chị N không yêu cầu anh T nghĩa vụ đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi cháu B cùng chị N và anh T cũng không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về chi phí đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi con chung của chị N và anh T.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 81; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 82; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 83; Về quyền và căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Hồ Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Hồ Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, 91, 96, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Hồ Ngọc T.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Hồ Nguyễn Kim B, sinh ngày 20/4/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu B đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng). Chị N không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi con chung tên Hồ Nguyễn Kim B cùng chị N.

Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0015097 ngày 10 tháng 10 năm 2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò (Chị N đã nộp đủ án phí).

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Hồ Ngọc T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã T;
- (GCNKH số 141, ngày 03/12/2014)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân